

## Họ và Tên Người Việt

Ngày xưa, khi chưa có vấn đề hộ tịch bắt người ta phải khai sinh cho con khi vừa mới sanh ra, việc đặt tên cho con thường trải qua hai giai đoạn: Giai đoạn đầu là đặt tên tạm, như Tèo, Tý, Nhón, Bé. Cái tên này đi theo với thời gian cho đến đứa bé đó lớn khôn và có gia đình. Lúc bấy giờ cha mẹ mới nghĩ đến chuyện tìm một cái tên thật mà đặt cho. Vì không bị giới hạn hay ràng buộc về mặt luật pháp bắt phải có tên chính thức, một người có thể chọn cho mình bao nhiêu tên cũng được. Sự tự do này kéo dài cho đến thế kỷ thứ mười tám, khi vấn đề hộ tịch được thiết lập và quy định chắc chắn về tên họ của từng người. Ngoài tên chính thức ra, một người có thể có tên tự, tên cúng cơm hoặc bút hiệu.

Tuy nhiên trong quá khứ việc đặt tên cho một đứa bé không phải là dễ dàng. Cha mẹ đứa bé phải cẩn thận khi chọn tên cho con làm sao để không bị trùng với tên của những người khác, nhất là trong gia đình hoàng tộc, sau đó là bà con họ hàng trong cả dòng họ. Vì tên của gia đình hoàng tộc, nhất là tên vua, và của bà con là những thứ huý kỵ không được dùng đến để đặt tên con.

Gọi trực tiếp tên người lớn tuổi cũng là điều cấm kỵ đối với người Việt. Để tránh bị phiền trách, và bị bắt lỗi bởi người lớn tuổi, cách tốt nhất là nên gọi tên con hay cháu của người đó nhưng phải nhớ thêm danh vị tên người con hay người cháu. Thí dụ: Ông cụ tên là Bách và con của ông ta là Trung. Khách nên chào ông Bách bằng cách nói là Chào Ông Trung.

Truyền thuyết dân tộc Việt Nam kể rằng người Việt Nam là con cháu của Bà Tiên tên là Âu Cơ, kết duyên cùng Rồng tên là Lạc Long Quân. Bà Âu Cơ sanh ra một trăm con. Sau đó một trăm người con này được chia ra làm hai: năm mươi người theo mẹ lên núi và năm mươi người còn lại theo cha xuống đồng bằng làm ăn sinh sống. Đó là từ một trăm người con đầu tiên của tổ tiên con Rồng cháu Tiên, và người Việt gọi nhau là đồng bào. Vì lý do này mà người Việt có khoảng hơn MỘT TRĂM HỌ. Về sau do có sự giao thương giữa các quốc gia khác với Việt Nam, các họ của người Tàu, Miên, Lào, Chăm đến cư ngụ tại Việt Nam cũng dần dần được Việt hoá.

Ngày nay tên người Việt thường có ba phần: họ, chữ lót và tên. Phần lớn, họ đứa bé mới sinh lấy theo họ cha. Chỉ có ít trường hợp lấy họ mẹ. Đó là khi trong gia đình không có con trai thì con trai của một trong nhiều người con gái của đại gia đình đó sẽ được chọn ra và lấy họ mẹ để nối dõi tông đường. Hoặc con không có cha có thể lấy họ mẹ.

Khác với cách xưng hô của người Anh, người Việt khi gọi người khác, luôn luôn dùng danh vị cùng với tên (chứ không phải họ) người đó. Thí dụ: Nói Bà Ba thì Ba là tên và Bà là danh vị. Hoặc Bác sĩ Minh, Minh là tên chứ không phải họ. Tương tự như Chú Tom hay Chú Sam của tiếng Anh vậy.

Ngày nay cha mẹ đặt tên con là việc rất đáng chú ý. Có rất nhiều nguyên tắc đặt tên cho con, nhưng thông thường nhất có thể kể là 12 nguyên tắc như sau:

- |   |                                      |
|---|--------------------------------------|
| 1) phản ảnh ước nguyện của cha mẹ         | 2) kỷ niệm hay ký ức                 |
| 3) điển hay tích trong văn chương/thi phú | 4) tên các loài hoa đẹp, trái cây    |
| 5) các đức tính cao quý                   | 6) tên các con vật cao quý           |
| 7) tên các loài chim quý                  | 8) học thuyết Khổng giáo             |
| 9) các đồ vật quý hay các loại ngọc quý   | 10) các nhân vật trong truyền thuyết |
| 11) tên bình dân                          | 12) tên theo nghề nghiệp             |

Như vậy tức là khi sanh con, cha mẹ người Việt Nam đều chọn cho con mình một cái tên mang ý nghĩa nào đó.

Riêng về cách đặt tên “bình dân” thông thường như tên Cút, Đái, Cu, vv.. rất thông dụng tại các vùng thôn quê. Trẻ em mang tên này có hai lý do chính: a) do tình trạng y tế còn thiếu thốn nên khi sanh con ra ốm yếu và hay bệnh hoạn khó nuôi và thường hay chết yếu. Do đó cha mẹ đưa bé không dám đặt tên đẹp cho con vì sợ thần chết đến viếng và b) nhiều bậc cha mẹ hiềm muộn muốn có con thường đến khấn vái tại các miếu, đền, chùa để kiếm mụn con, gọi là “con cầu tự”.

Người Việt rất xem trọng giá trị gia đình. Vì vậy tục ngữ Việt Nam mới có câu: Một người làm quan cả họ được nhờ. (Lit.: One who becomes a mandarin brings in great fortune to his extended family.) Hoặc: Một người làm xấu cả họ mang dơ. (Lit.: One person's bad deed defames his whole family.) Nói lên tình cảm gắn bó giữa cá nhân và gia đình mật thiết và quan trọng đến mức nào. Nói cách khác cá nhân trong gia đình không quan trọng bằng toàn thể đại gia đình của người đó. Nhất nhất hành động hay cử chỉ nào cũng có thể gây tổn hại đến thanh danh của đại gia đình.

Vì lý do này mà họ đứng trước tên, rồi mới đến chữ lót và sau cùng mới là tên riêng của người đó. Khi xét đến người nào người ta thường nhìn vào cả gia tộc người đó. Trong các cuộc cãi vã, người ta cũng thường kêu réo cả giòng họ người bị mắng chửi ra chứ không phải chỉ người đó mà thôi. Chữ lót cũng quan trọng không kém. Nhiều gia đình danh giá được mọi người ngưỡng mộ qua chữ kèm theo với cái họ. Chẳng hạn như giòng họ Nguyễn Phước, Thân Trọng, Hồ Đắc, vv. là những giòng họ nổi tiếng một thời.

Theo sử liệu thì trước khi nước Việt bị người Hán đô hộ (từ năm 111 trước tây lịch đến năm 938 sau tây lịch), người Việt theo chế độ mẫu hệ chứ không phải theo chế độ phụ hệ như ngày nay. Do đó tính cách độc lập của người phụ nữ vẫn còn được nhìn thấy qua việc họ vẫn có quyền giữ tên họ mình sau khi kết hôn với người khác

Một lần nữa, trong các cuộc tiếp xúc hàng ngày giữa người Việt với nhau người nói thường phải gọi người kia bằng tên và có danh vị kèm theo. Chẳng hạn như Bà Phan hay Cô Mai chứ không gọi trống là Phan hay Mai như người Mỹ. Trong những cuộc tiếp tân long trọng hay thân mật người ta cũng bắt chước theo lối nói của Tàu hay của Tây để gọi hai vợ chồng bằng Ông Bà Nguyễn Văn X, tức là tên của người chồng.

Bảng kê dưới đây bao gồm tất cả họ của người kinh, người thượng và những họ của người nước khác đã được Việt hoá. Đa số các họ này đều có nghĩa tương đương tiếng Anh.

Chúng tôi tiếp tục cập nhật hoá bảng kê này đến bao giờ đủ tất cả tên của mọi người.

## VIETNAMESE FAMILY NAMES AND COMMON GIVEN NAMES

In the remote past, when the registrar's office has not been introduced, naming a child underwent two stages. The first stage sees the name of a child to be something temporary, just like a Joe, a Jack or a Jill in English. This name stays with the child until she/he grows up or gets married. Until then the parents would officially name her/him with a real name. Due to no restrictions or legal obligations to maintaining one name or no prohibitions of having several different names, one person could have as many names as she/he wishes. This practice ceases when registrar's office is well established and rules for ID registration strictly enforced, beginning in the 18th century. However, a person could adopt an alias, or a nickname as a pseudonym.

Naming a child in the past, however, is not always an easy task. Parents of the new-born has to be careful as to choose a name which has not been used by any other person, especially by one of the members in the royal family, exclusively, by the contemporary king. Names adopted by these members become taboo and ordinary people are supposed to avoid selecting them for their children. Addressing an elderly person by calling her/his name is also a taboo. In order to avoid calling directly the person's name, it is best to find out the name of the first child in the family, and add a title to that name to address the elderly. For example: The elderly person's name is Bách, and his son's name is Trung. Visitors would find out the son's name and address Trung's father by calling him Mr. Trung.

Legend has it that the Vietnamese people are descendants of the Fairy named Âu Cơ, who married to the Dragon named Lạc Long Quân. The mother gave birth to one hundred children, who afterwards divided into two equal groups: fifty children accompanying their mother to the mountainous areas and the other half with their father to occupy the lowland. For this reason, the Vietnamese have approximately ONE HUNDRED LAST NAMES. And for this reason, the Vietnamese call one another "same womb" fellow countrymen.

During the course of history, Vietnam, in contact with her neighboring countries, has adopted some Chinese, Cambodian, Laotian, Champa last names, which eventually become Vietnamized.

A Vietnamese name usually has three parts: family name, middle name and given name. Most of the cases, a child's family name take after its father's. In some cases, the mother's family name can be adopted. In a family that has no sons or heirs, one of the daughter's sons would be given his mother's family name. Or the child is fatherless.

Unlike English way of addressing people, a title is attached to the Vietnamese given name of the addressed, not to her/his family name. For instance: Mrs. Ba. Ba is a given name. Dr. Minh. Minh a is given name. Just like Uncle Tom or Uncle Sam in English. Presently naming a child is an interesting topic to the Vietnamese. Generally, of the many trends in naming a new-born child, twelve categories are significant:

- 1) reflection of wishes,
- 2) reminiscences or memories,
- 3) dedication to classical literature/poetry,
- 4) names of flowers, fruits
- 5) much-prized quality,
- 6) noble animals,
- 7) beautiful birds,
- 8) Confucian doctrine appreciation
- 9) precious things or jewelry
- 10) mythical characters
- 11) vulgar terms
- 12) terms of occupations

Thus, names in Vietnamese definitely have meanings, and they must be meaningful to the parents who name their new-borns.

About ugly names, using vulgar terms like Cứt ‘feces’, Đái ‘urine’, Cu ‘dick’, and so on is fairly common in the countryside. Children are named after these terms because of a certain number of reasons, but two are significant: a) due to lack of effective medicament the child is so weak or so ill that, if s/he has a beautiful name, the death will frequently visit her/him, or b) “infertile” parents wishing to have children, would come to a temple or a pagoda to pray deities that would bestow upon them a child, called con cầu tự ‘deity-blessed child’.

Again, in daily conversation Vietnamese speakers use a title with the first name of the person to whom she or he is speaking. Mrs. Phan or Miss Mai, for instance, are titles + given names. If they use the title + last name of the addressed person – which is not common – they are influenced by the Chinese or European culture. The etiquette of Mr. and Mrs. + the husband's first name is also used in both formal and informal occasions.

The Vietnamese highly appreciate the family value. A Vietnamese proverb has it that Một người làm quan cả họ được nhờ. (Lit.: One who becomes a mandarin brings in great fortune to his extended family.) Another one says Một người làm xấu cả họ mang dơ. (Lit.: One person's bad deed defames his whole family.) These two proverbs prove how important the relationship among members in an extended family is. In other words, an individual always does her best to honor her extended family and enhance its reputation the more the possible. When viewing someone people do not only look at the individual but the whole family behind him/her as well. In a quarrel, an antagonist intends to name name some or all of his/her opponent's family members.

For this reason, family name always occurs first, then middle name and lastly, given name in a Vietnamese name, regardless the gender. The middle name also plays an important role in glorifying an individual's fame. There used to be many famous families whose last names and middle affirm their hi-born social status, like Nguyễn Phước, Thân Trọng, Hồ Đắc, and so forth.

It is believed that the Vietnamese enjoyed a matriarchal social organization in the remote past – possibly prior to the Chinese domination (111BC to 938AD). Presently Vietnamese names are reckoned patriarchally. The Vietnamese women, however, are legitimately entitled to retain their maiden names after they get married.

The link below consists of last names of the Vietnamese lowlanders, highlanders and of other origins. Most of these names have English equivalents.

This list will be updated periodically until all given names are included.

[Bảng 1 - Họ \(List of FAMILY NAMES \)](#)

[Bảng 2 - Tên \(List of GIVEN NAMES \)](#)

[Bảng 3 - Tên Ghép \(List of COMPOUND GIVEN NAMES \)](#)